TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-PT
Ngày 13-5-2025
V/v tranh chấp ly hôn; đòi tài sản và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hai.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hà;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Nguyên Huân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn; đòi tài sản và hợp đồng vay tài sản".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 169/2024/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ngọc S, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số C, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: Số E, đường T, khóm H, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Quang D, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số A L, khóm F, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đặng Văn K – Văn phòng Luật sư Đặng Văn K thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A (có mặt).

3. Người kháng cáo: Ông Trần Quang D là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản án sơ thẩm, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trương Thị Ngọc S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Quang D tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang vào ngày 20/11/2023.

Sau khi kết hôn, ông bà chung sống được 01 thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân từ bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên bà và ông D chính thức ly thân đầu tháng 02/2024 đến nay. Vì tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn ông D.

- Về quan hệ con chung: Không có.

- Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông D có yêu cầu phản tố, yêu cầu bà phải trả vàng và tiền. Bà đồng ý trả lại cho ông D số tiền 150.000.000 đồng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng ông D không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông D. Nay nếu ông D đồng ý thỏa thuận thì bà chấp nhận.

Bị đơn là ông Trần Quang D trình bày:

Quá trình giải quyết vụ án, ông không đồng ý ly hôn với bà Trương Thị Ngọc S. Nay, ông đồng ý ly hôn với điều kiện bà S phải trả cho ông số tiền 150.000.000 đồng và trả ngay 20.000.000 đồng, số còn lại trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn lại 130.000.000 đồng.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 169/2024/HNGĐ-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã tuyên xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị Ngọc S với ông Trần Quang D.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Trần Quang D về việc buộc bà Trương Thị Ngọc S phải có nghĩa vụ trả cho ông D 28 chỉ vàng 24 kara 9999 và 60.000.000 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Trần Quang D về việc tuyên bố Hợp đồng vay tiền ngày 10/5/2024 giữa ông Trần Quang D và bà Trương Thị Ngọc S vô hiệu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí dân sự, áp dụng luật thi hành án và tuyên về phần quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, ông Trần Quang D kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Theo đó, bà S và ông D thuận tình ly hôn; bà S đồng ý trả lại cho ông D số tiền 150.000.000đ, cụ thể: Ngày 20/5/2025, bà S trả cho ông D số tiền 20.000.000đ; số tiền 130.000.000đ còn lại, bà S trả cho ông D mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi dứt số tiền trên.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang về tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 169/2024/HNGĐ-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Quang D nộp trong hạn luật định và có đơn yêu cầu miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Hội đồng xét xử xác định, ông D là người cao tuổi, được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Theo đó, bà S và ông D thuận tình ly hôn; bà S đồng ý trả lại cho ông D số tiền 150.000.000đ, cụ thể: Ngày 20/5/2025, bà S trả cho ông D số tiền 20.000.000đ; số tiền 130.000.000đ còn lại, bà S trả cho ông D mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi dứt số tiền trên (trả vào ngày 20 hàng tháng).

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trương Thị Ngọc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.750.000đ.

- Ông Trần Quang D được miễn án phí sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Quang D phải chịu 300.000đ. Tuy nhiên, ông Trần Quang D được miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí.

[4] Các phần quyết định còn lại của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 169/2024/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị Ngọc S với ông Trần Quang D.

- Về số tiền: Bà Trương Thị Ngọc S phải có nghĩa vụ giao trả cho ông Trần Quang D số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Thời gian giao trả lần đầu vào ngày 20/5/2025 với số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); sau đó mỗi tháng trả số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) vào ngày 20 hàng tháng cho đến khi dứt số tiền còn lại là 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Trương Thị Ngọc S phải chịu 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Trần Quang D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Quang D được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định còn lại của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Phòng TT, KT&THA;
- Tòa GĐ&NCTN;
- UBND phường Mỹ Xuyên;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trương Văn Hai